

Bản án số 144/2023/DS-PT

Ngày 28/3/2023

*V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài
sản gắn liền với đất, yêu cầu hủy một phần
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2514/2023/QĐPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Mã Văn Th, sinh năm 1962; trú tại: thôn Khòn M, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Mã Văn B, sinh năm 1970; trú tại: thôn Khòn M, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Linh Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn Khòn M, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt. *Người đại diện theo ủy quyền của bà H:* Ông Mã Văn Th; có mặt.

2. Anh Mã Văn L, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn Khòn M, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Chị Mã Thị L1, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn Bản L2, xã Diềm H2, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Chị Mã Thị H1; địa chỉ: thôn Nà Hấy, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt; *Người đại diện theo ủy quyền của chị H1*: Ông Mã Văn Th; có mặt.

5. Chị Chu Thị S; địa chỉ: thôn Khòn M, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt; *Người đại diện theo ủy quyền của chị S*: Anh Mã Văn L; có mặt;

6. Bà Nông Thị M1, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn Khòn M, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Anh Mã Văn Ph; địa chỉ: thôn Khòn M, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt; *Người đại diện theo ủy quyền của anh Ph*: Bà Nông Thị M1; vắng mặt.

8. Anh Mã Văn Q, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn Khòn M, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt; *Người đại diện theo ủy quyền của anh Q*: Bà Nông Thị M1; vắng mặt.

9. Ông Hoàng Văn L3; địa chỉ: thôn Khòn Nh, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Ông Hoàng Văn M2; địa chỉ: thôn Khòn Nh, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Bà Hoàng Thị Ng, địa chỉ: thôn Khòn Nh, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

12. Anh Hoàng Văn Th, địa chỉ: thôn Khòn Nh, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

13. Chị Đinh Thị L4, địa chỉ: thôn Khòn Nh, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

14. Anh Hoàng Văn L5, địa chỉ: thôn Khòn Nh, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

15. Chị Lao Thị H3, địa chỉ: thôn Khòn Nh, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt; *Người đại diện theo ủy quyền của chị H3*: Anh Hoàng Văn L5; vắng mặt.

16. Ủy ban nhân dân huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; *Người đại diện hợp pháp*: Ông Bành Văn D - Trưởng phòng tài nguyên và Môi trường huyện Văn Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/10/2021, các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Mã Văn Th trình bày:

Gia đình ông Mã Văn Th có rừng hồi tại Lù Nước, thôn Khòn M, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn gốc đất do ông Mã Văn Th, ông Mã Văn B và ông Mã Văn D1 đi khai hoang năm 1993 nhưng chưa canh tác, đến năm 2002

ba gia đình đi phát lại rồi chia làm 03 thửa. Hình thức chia là lấy cây rừng đo theo chân đường mòn, được bao nhiêu cây thì chia làm 03, ông Mã Văn B lấy thửa đầu tiên, ông Mã Văn Th lấy thửa ở giữa và ông Mã Văn D1 lấy thửa sau cùng. Sau khi chia thì ba gia đình cuốc hố làm ranh giới ở chân đường mòn, tuy nhiên hiện nay hố không còn nữa. Năm 2008, ông Mã Văn Th đã kê khai và năm 2011 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa 555 tờ bản đồ 01 xã Bình Ph, diện tích 6800m². Từ khi phân chia đất đai, năm 2003 gia đình ông Mã Văn Th đã trồng hồi trên toàn bộ phần đất của mình, trồng dặm đến 2005 và quản lý, canh tác từ đó đến nay. Phía giáp nhà ông Mã Văn B thì ông Mã Văn Th trồng một cây hồi cách hố ranh giới với nhà ông Mã Văn B 1m trong phần đất nhà mình và trồng một hàng hồi thẳng lên đỉnh đồi, cách ranh giới với đất nhà ông Mã Văn B 1m. Bên phía ranh giới với đất ông Mã Văn D1 gia đình Mã Văn Th cũng trồng một hàng hồi cách ranh giới 1m từ chân đường mòn lên đỉnh đồi như phía nhà ông Mã Văn B. Khoảng năm 2005, ông Mã Văn B bắt đầu trồng hồi trên phần đất nhà ông Mã Văn B nhưng chỉ trồng đến lưng chừng đồi, phần đỉnh đồi thì chưa trồng. Khoảng năm 2008, 2009 thì rừng bị cháy khoảng 20m từ đỉnh đồi trở xuống phần đất của ba gia đình. Sau khi rừng bị cháy thì ông Mã Văn Th không trồng bổ sung nhưng ông Mã Văn B đã trồng bổ sung hồi toàn bộ phía đỉnh đồi và lấn sang đất nhà ông Mã Văn Th khoảng 30m, sau đó ông Mã Văn B tự cuốc rãnh hào dọc theo những cây hồi này từ đỉnh đồi xuống. Năm 2017 gia đình ông Mã Văn Th đi hái hồi thì gặp vợ chồng ông Mã Văn B đang hái hồi nên xảy ra tranh chấp. Hai bên dự kiến đi kiểm tra xác định lại ranh giới nhưng do nhiều việc không làm được, đến tháng 6/2021 ba gia đình mới đi xác định lại ranh giới nhưng không thống nhất được nên đã đề nghị UBND xã Bình Ph giải quyết nhưng hòa giải không thành.

Ngày 18/11/2021 và ngày 03/3/2022, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định đất đang tranh chấp có tổng diện tích là 709,5m², trong đó có 444,6m² thuộc thửa đất số 555 đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Mã Văn Th; 80,9m² thuộc thửa 592 đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Mã Văn B; 184m² thuộc thửa đất 591 đã được cấp GCNQSDĐ cho anh Hoàng Văn L5. Trên diện tích đất đang tranh chấp có 37 cây Hồi, ông Mã Văn Th và ông Mã Văn B đều khai nhận gia đình mình trồng hồi năm 2003 và trồng dặm hằng năm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/3/2022 và tại phiên tòa hôm nay, ông Mã Văn Th rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 80,9m² thuộc thửa 592 đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Mã Văn B và các tài sản trên phần đất này. Yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

+ Yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 628,6m², trong đó 444,6m² thuộc thửa đất số 555 và 184m² thuộc thửa đất 591, tờ bản đồ lâm

nghiệp số 01 xã Bình Ph, huyện Văn Q và sở hữu toàn bộ tài sản là các cây hồi trên phần đất này.

+ Yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số BK 245517 do UBND huyện Văn Q cấp ngày 06/9/2011 cho anh Hoàng Văn L5 đối với phần diện tích 184m² thuộc thửa đất 591 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã Bình Ph, huyện Văn Q.

Trong các bản tự khai gửi đến Tòa án, bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại pH1 tòa sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn là bà Linh Thị H, anh Mã Văn L, chị Mã Thị H1, chị Mã Thị L1, chị Chu Thị S thống nhất với ý kiến của ông Mã Văn Th.

Bị đơn Mã Văn B trình bày: Diện tích đất đang tranh chấp với ông Mã Văn Th có nguồn gốc do bà Mã Thị D2 là chị gái ông Mã Văn B khai hoang từ năm 1992, đến năm 1996 do không đi làm được nên bà Mã Thị D2 và chồng là ông Hoàng Văn Ph1 (đã chết năm 2000) tặng cho vợ chồng ông Mã Văn B, có giấy tặng cho viết tay ngày 19/02/1996 có chữ ký của ông Hoàng Văn Ph1, bà Mã Thị D2 và vợ chồng ông Mã Văn B. Năm 1997, ông Mã Văn B rủ ông Mã Văn Th, ông Mã Văn D1 đi phát rừng, phát xong thì chia làm 03 mảnh để canh tác, cách chia là lấy cây rừng đo chiều ngang theo đường mòn chân đồi và đỉnh đồi thành 03 phần bằng nhau, ông Mã Văn B nhận mảnh đầu tiên, ông Mã Văn Th nhận mảnh ở giữa, ông Mã Văn D1 nhận mảnh cuối cùng. Sau khi chia xong thì cuộc mỗi mảnh 01 hố khoảng 80cm để làm ranh giới giữa ba gia đình. Ranh giới giữa thửa đất của ông Mã Văn B và ông Mã Văn Th chân đường mòn có 01 hố rộng khoảng 80cm, nay hố không còn nhưng có cây trám trắng làm mốc, đỉnh đồi là có 01 hố rộng khoảng 80cm và trồng 01 cây kháo quang giữa hố. Năm 2003 ông Mã Văn B mới phát lại và mang hồi tự ương được khoảng 2 đến 3 năm lên trồng, trồng rải rác từ dưới chân đồi đến khoảng nửa đồi, mỗi năm lại trồng dặm 02 đợt, đến năm 2008 thì trồng xong toàn bộ thửa đất của mình. Trước khi trồng, ông Mã Văn B có cuộc rãnh mương từ mốc chân đồi lên đỉnh đồi làm ranh giới ngăn cách với đất nhà ông Mã Văn Th, hiện nay rãnh mương vẫn còn. Năm 2008 ông Mã Văn B đã kê khai để cấp GCNQSDĐ, năm 2011 được cấp GCNQSDĐ thửa 592 diện tích 4.429m². Gia đình ông Mã Văn B đã bắt đầu thu hoạch hồi từ năm 2013 đến nay nhưng không phát sinh tranh chấp gì với gia đình ông Mã Văn Th. Đến khoảng tháng 5/2021 mới xảy ra tranh chấp khi cùng đi hái hồi. Ông Mã Văn B nhất trí với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 80,9m² thuộc thửa 592 đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Mã Văn B và các tài sản trên phần đất này. Các yêu cầu khác của phía nguyên đơn thì phía bị đơn không nhất trí và yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 628,6m² và yêu cầu sở hữu các tài sản trên phần đất này, yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số BH 458412 do UBND huyện Văn Q cấp ngày 06/9/2011 cho hộ ông Mã Văn Th, bà Linh Thị H và GCNQSDĐ số BK 245517 do UBND huyện Văn Q cấp ngày 06/9/2011 cho anh Hoàng Văn L5 liên quan đến diện tích đất tranh chấp.

Trong các bản tự khai gửi đến Tòa án, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn là bà Nông Thị M1, anh Mã Văn Ph, ông Mã Văn Q nhất trí ý kiến trình bày của bị đơn ông Mã Văn B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Văn Q tại Công văn số 2288/UBND-TNMT ngày 24/12/2021 xác định: Diện tích đất tranh chấp 709,5m², trong đó có 444,6m² thuộc thửa đất số 555; 184m² thuộc thửa đất số 591 và 80,9m² thuộc thửa đất số 592 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã Bình Ph lập năm 2011, trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với các thửa đất nêu trên đảm bảo đúng quy định của pháp luật đất đai. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của UBND huyện Văn Q trình bày: Qua xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng tuy trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ các thửa đất trên đúng quy định nhưng không đúng hiện trạng sử dụng đất, không đúng đối tượng sử dụng đất nên UBND huyện Văn Q nhất trí với yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ liên quan đến diện tích đất tranh chấp để cấp lại cho các hộ gia đình theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn L3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại các biên bản lấy lời khai trình bày: Kết quả giám định tư pháp cho thấy diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Mã Văn Th, Mã Văn B trùng với thửa 181 tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1995 xã Bình Ph đã giao cho ông Hoàng Văn L3, tuy nhiên thực tế ông Hoàng Văn L3 không có đất ở vị trí này mà có hai thửa đất đang canh tác cách xa khu vực tranh chấp nên không có ý kiến gì về việc tranh chấp đất giữa ông Mã Văn Th và ông Mã Văn B, không yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn M2, bà Hoàng Thị Ng, anh Hoàng Văn Th, chị Đinh Thị L4, anh Hoàng Văn L5, chị Lao Thị H3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án đều trình bày: Gia đình ông Hoàng Văn M2 có thửa đất số 591, 552 giáp với đất của ông Mã Văn B, ông Mã Văn Th, ông Mã Văn D1. Ranh giới ngăn cách bởi một con đường mòn, phía trên đường mòn là đất của ông Mã Văn B, ông Mã Văn Th, ông Mã Văn D1, dưới đường mòn là đất của gia đình ông Hoàng Văn M2, gia đình canh tác ổn định từ xưa đến nay không có tranh chấp. Hiện nay ông Hoàng Văn M2 đã chia đất cho các con, anh Hoàng Văn L5 được chia thửa 552, anh Hoàng Văn Th được chia thửa 591. Diện tích đất tranh chấp 709,5m² giữa ông Mã Văn Th và ông Mã Văn B có 184m² thuộc một phần thửa đất số 591 đã được cấp GCNQSDĐ cho anh Hoàng Văn L5 nhưng thực tế không nằm trong thửa đất gia đình ông Hoàng Văn M2, anh Hoàng Văn L5 quản lý nên ông Hoàng Văn M2, bà Hoàng Thị Ng, anh Hoàng Văn Th, chị Đinh Thị L4, anh Hoàng Văn L5, chị Lao Thị H3 không yêu cầu được quản lý đất tranh chấp và tài sản trên đất, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Văn L5 nhất trí hủy GCNQSDĐ số BK 245517 do UBND huyện Văn Q cấp ngày 06/9/2011 để cấp lại.

Người làm chứng ông Hoàng Văn D1 trình bày: Năm 1997 ông Mã Văn B, ông Mã Văn Th, ông Mã Văn D1 cùng nhau đi phát rừng, khai hoang khu đất này. Sau khi phát xong thì lấy cây rừng đo theo đường mòn chân đồi và đỉnh đồi rồi chia thành 03 phần bằng nhau. Ranh giới giữa 03 nhà được cuốc hố làm mốc cả chân đường mòn và đỉnh đồi, riêng chân đồi nhà ông Mã Văn D1 có gốc cây dẻ rừng làm ranh giới nên không cuốc hố. Ranh giới giữa các thửa đất được kéo thẳng từ mốc chân đồi lên đỉnh đồi. Ranh giới giữa nhà ông Mã Văn B, ông Mã Văn Th ở đường mòn là hố ở gốc cây trám hiện nay nhưng hố không còn, chỉ còn cây trám; ở đỉnh đồi là hố ranh giới hiện nay vẫn còn, ông Mã Văn B đã đào hào từ hố này trở xuống. Phần đất ông Mã Văn B, ông Mã Văn Th, ông Mã Văn D1 khai hoang tính từ đường mòn trở lên, đường mòn này đã có trước khi khai hoang và vẫn nguyên hiện trạng như bây giờ. Phía dưới đường mòn là phần đất của gia đình ông Hoàng Văn M2. Ông Mã Văn D1 cho rằng việc cấp GCNQSDĐ không đúng với hiện trạng mà 03 gia đình đang sử dụng. Một phần đất của ông Mã Văn Th đang sử dụng nằm trong GCNQSDĐ của ông Mã Văn D1 nên cần đo đạc để cấp lại theo đúng hiện trạng.

Bà Mã Thị D2 trình bày: Năm 1992 bà Mã Thị D2 cùng chồng là ông Hoàng Văn Ph1 tiến hành khai hoang tại rừng Lù NƯỚC nhưng do xa quá và neo người không làm được nên bà Mã Thị D2, ông Hoàng Văn Ph1 làm giấy viết tay tặng cho ông Mã Văn B, bà Nông Thị M1. Sau đó ông Mã Văn B cùng ông Mã Văn Th, ông Mã Văn D1 phát quang, chia nhau canh tác như thế nào bà không rõ.

Ông Hoàng Văn Ch tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2022 trình bày: Gia đình ông Hoàng Văn Ch trước đây có mảnh đất giáp với đất ông Mã Văn D1 nhưng nay đã chuyển nhượng cho người khác. Năm 1975 ông Hoàng Văn Ch và ông Hoàng Văn M2 có khai phá mảnh đất này và cùng cuốc đường mòn để đi lại. Đường mòn này đi qua đất nhà ông Hoàng Văn M2, không qua đất ông Hoàng Văn Ch và là đường mòn phía dưới đường mòn hiện tại như ông Mã Văn Th chỉ. Đường mòn hiện tại có từ khi nào ông Hoàng Văn Ch không biết vì khoảng 6,7 năm nay ông Hoàng Văn Ch không đi vào rừng. Ông Hoàng Văn Ch chỉ biết ranh giới giữa thửa đất của ông Mã Văn B và ông Mã Văn Th là từ cây mạy pa (đã chết), ranh giới giữa thửa đất của ông Mã Văn Th và ông Mã Văn D1 là cây dẻ rừng hiện nay.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Nguồn gốc các thửa đất đang tranh chấp là do nguyên đơn cùng ông Mã Văn B, ông Mã Văn D1 khai hoang và chia làm 03 phần bằng nhau theo chân đường mòn, đến năm 2011 thì được cấp GCNQSDĐ. Sau khi khai hoang thì năm 2003 ông Mã Văn Th đã canh tác và trồng hồi đúng ranh giới được phân chia. GCNQSDĐ được cấp theo thực tế sử dụng đất nên cần căn cứ vào thực tế sử dụng đất. Qua kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy cả phần chân đồi và đỉnh đồi thửa đất hiện nay của nguyên đơn có chiều dài ít nhất trong khi các đương sự đều trình bày

chia đều nhau, vì vậy có căn cứ xác định nguyên đơn đã canh tác, trồng hồi đúng ranh giới chia đất giữa ba gia đình và được cấp GCNQSDĐ theo đúng hiện trạng. Nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với 80,9m² đất thuộc thửa 592 tờ bản đồ số 01 xã Bình Ph. Đối với diện tích đất tranh chấp 628,6m² còn lại, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được quản lý 444,6m² đất thuộc thửa 555 tờ bản đồ số 01 xã Bình Ph đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Mã Văn Th, đối với 184m² đất thuộc thửa 591 đề nghị chia cho nguyên đơn một phần diện tích theo mốc từ điểm H kéo thẳng xuống đường mòn. Hủy một phần GCNQSDĐ liên quan đến diện tích 184m² đất thuộc thửa 591 để cấp lại theo quy định, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc hủy một phần GCNQSDĐ liên quan đến diện tích 444,6m² đất thuộc thửa 555 đã cấp cho hộ ông Mã Văn Th. Về chi phí tố tụng, phía nguyên đơn tự nguyện chịu 4.560.000 đồng, chi phí còn lại đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho nguyên đơn do nguyên đơn là người dân tộc thiểu số cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Phía nguyên đơn không chứng minh được ranh giới đất với bị đơn mà chỉ cho rằng có cây hồi làm mốc, tuy nhiên cây hồi lại đang tranh chấp. Ông Mã Văn B, ông Mã Văn D1, ông Mã Văn L đều thừa nhận có cuộc hồ làm mốc cả chân đồi và đỉnh đồi, phía nguyên đơn cũng thừa nhận từ năm 2017 đến nay gia đình bị đơn đều thu hoạch hồi nên có căn cứ xác định bị đơn là người có quá trình thực tế quản lý, canh tác, sử dụng đất và tài sản trên đất đến năm 2021 mới có tranh chấp. UBND huyện Văn Q thừa nhận việc cấp GCNQSDĐ không đúng hiện trạng, anh Hoàng Văn L5 là người được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 591 cũng thừa nhận GCNQSDĐ cấp không đúng đối tượng, không đúng hiện trạng, nhất trí hủy GCNQSDĐ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho bị đơn được quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 628,6m² và hủy một phần GCNQSDĐ liên quan đến diện tích đất tranh chấp nêu trên để cấp lại theo quy định của pháp luật. Về chi phí tố tụng và án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ dân sự thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 5 Điều 157, Điều 158, khoản 1, 5 Điều 161, Điều 162, khoản 1, 5 Điều 165, Điều 166, khoản 1, 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 105, 107, 123 Luật Đất đai năm 2003; Điều 26, Điều 95, khoản 3 Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 1, 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 628,6m² thuộc một phần các thửa 555, 591 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã Bình Ph tại địa danh Lù Nước, thôn Khòn M, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn và các tài sản trên phần diện tích đất này.

1.2. Hộ ông Mã Văn B, bà Nông Thị M1 được quyền quản lý, sử dụng 628,6m² đất tranh chấp tại địa danh Lù Nước, thôn Khòn M, xã Bình Ph, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn được xác định theo các điểm ABCDEHFG tại sơ đồ đo vẽ khu đất tranh chấp kèm theo, trong đó có 444,6m² thuộc một phần thửa 555 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã Bình Ph đã được UBND huyện Văn Q cấp GCNQSDĐ số BH 458412 ngày 06/9/2011 cho hộ ông Mã Văn Th, bà Linh Thị H; 184m² đất thuộc thửa 591 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã Bình Ph đã được UBND huyện Văn Q cấp GCNQSDĐ số BK 245517 ngày 06/9/2011 cho anh Hoàng Văn L5 và toàn bộ tài sản là cây trồng trên diện tích đất 628,6m² đất nêu trên. Buộc ông Mã Văn Th và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn chấm dứt toàn bộ hành vi tranh chấp đối với các diện tích đất và tài sản trên đất nêu trên.

1.3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mã Văn Th đối với phần diện tích đất 80,9m² thuộc một phần thửa 592 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã Bình Ph đã được UBND huyện Văn Q cấp GCNQSDĐ số BH 458413 ngày 06/9/2011 cho hộ ông Mã Văn B, bà Nông Thị M1, được xác định bởi các điểm EFH trong sơ đồ đo vẽ khu đất tranh chấp kèm theo và toàn bộ tài sản trên diện tích đất tranh chấp này.

2. Hủy một phần GCNQSDĐ số BH 458412 của UBND huyện Văn Q cấp ngày 06/9/2011 cho hộ ông Mã Văn Th, bà Linh Thị H và một phần GCNQSDĐ số BK 245517 của UBND huyện Văn Q cấp ngày 06/9/2011 cho anh Hoàng Văn L5 liên quan đến diện tích đất tranh chấp nêu tại mục 1.2 nêu trên. Các đương sự có nghĩa vụ đăng ký, kê khai để cấp lại GCNQSDĐ theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/5/2022, nguyên đơn ông Mã Văn Th kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên toà Ph thẩm:

Nguyên đơn ông Mã Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và lời khai như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của ông Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử; Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự bác kháng cáo của ông Mã Văn Th, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Mã Văn Th nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng pháp luật.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bị đơn dân sự; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Mã Văn Th, yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 628,6m², trong đó 444,6m² thuộc thửa đất số 555 và 184m² thuộc thửa đất 591, tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã Bình Ph, huyện Văn Q và sở hữu toàn bộ tài sản là các cây hồi trên phần đất này; hủy một phần GCNQSDĐ số BK 245517 do UBND huyện Văn Q cấp ngày 06/9/2011 cho anh Hoàng Văn L5 đối với phần diện tích 184m² thuộc thửa đất 591 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã Bình Ph, huyện Văn Q, thấy: Mặc dù ông Th, ông B, ông D1 trình bày không thống nhất về nguồn gốc, cách thức phân chia đất đai, không thống nhất về ranh giới, mốc giới; nhưng các ông đều thừa nhận sau khi phát quang khu đất, các ông dùng cây rừng đo theo chiều ngang đường mòn và đỉnh đồi để chia khu đất làm 03 mảnh, ông B mảnh thứ nhất, ông Th mảnh thứ 2 tiếp giáp với mảnh đất của ông B, ông D1 mảnh thứ 3 tiếp giáp với mảnh của ông D1. Sau khi phân chia xong các ông cuốc hố ở chân đường mòn làm ranh giới giữa các thửa đất nhưng đến nay hố không còn. Sau khi được phân chia đất gia đình ông Th, ông B đã trồng hồi trên phần đất được chia. Năm 2011, gia đình ông Th được cấp

GCNQSDĐ diện tích 6800m² thửa 555; ông B được cấp diện tích 4429m² thửa 592.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 18/11/2021, ngày 03/3/2022 và kết quả đo vẽ diện tích đất tranh chấp được thể hiện: Hiện trạng sử dụng đất không phù hợp với sơ đồ ghi trong Giấy CNQSDĐ. Tại đỉnh đồi vẫn còn hố sâu 20cm, rộng 60cm phân chia ranh giới đất giữa gia đình ông Th, ông B tại sơ đồ thửa đất xác định là điểm M6, từ điểm M6 đến điểm C ông B cuốc rãnh hào dài 131,83m, các điểm mốc này phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông D1 xác định vị trí hố (điểm M6) là ranh giới khi phân chia đất giữa 2 gia đình. Thực tế gia đình ông B đã quản lý trồng hồi trong rãnh hào trên phần đất của ông từ năm 2003, trồng dặm năm 2005 đến năm 2008 thì trồng kín khu đất, các cây hồi phù hợp với tuổi cây tại kết quả thẩm định cây hồi có đường kính gốc khác nhau từ 2cm đến 20cm. Đối với diện tích đất 184m² nằm trong thửa 591 tiếp giáp thửa đất 592 của ông B đứng tên anh Hoàng Văn L5; gia đình anh L5 khẳng định phần đất này trên bản đồ đất lâm nghiệp không đúng với hiện trạng sử dụng đất, vợ chồng anh L5 không yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 184m² và tài sản trên đất. Anh L5 nhất trí hủy GCNQSDĐ số BK 245517 do UBND huyện Văn Q cấp ngày 06/9/2011 đứng tên anh. UBND huyện Văn Q cũng xác định diện tích đất sử dụng của gia đình ông Th, anh L5 sử dụng không đúng hiện trạng, không đúng đối tượng sử dụng đất. Do đó, UBND huyện Văn Q nhất trí hủy một phần GCNQSDĐ liên quan đến diện tích đất tranh chấp để cấp lại cho các hộ gia đình theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông ông Th về việc yêu cầu được quản lý toàn bộ diện tích đất tranh chấp 628,6m² thuộc một phần các thửa đất 555, 591 tờ bản đồ 01 xã Bình Ph. Xác định diện tích 628,6m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông B, bà M1; hủy một phần GCNQSDĐ số BH 458412 của UBND huyện Văn Q cấp ngày 06/9/2011 cho hộ ông Th, bà H; hủy một phần GCNQSDĐ số BK 245517 của UBND huyện Văn Q cấp ngày 06/9/2011 cho anh L5 liên quan đến diện tích đất tranh chấp 184m².

Về chi phí tố tụng: Bản án sơ thẩm buộc ông Th phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản và trung cầu giám định bản đồ hết tổng số tiền 21.833.000 đồng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự bởi yêu cầu của ông Th không được Tòa án chấp nhận.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Xét thấy nguyên đơn là người dân tộc thiểu số cư trú tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân

sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Mã Văn Th; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 202 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

[2]. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Mã Văn Th.

[3] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THA dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo đ/c).
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà